TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/HNGĐ - ST.
Ngày: 28 - 3 - 2024.
"V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Phượng.

Ông Hồ Quốc Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Gia Mẫn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Hồng Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2023/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023 về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thạch Mon Si T, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp D, xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Thạch T, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 22/12/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Thạch Mon Si T trình bày: Nguyên vào năm 2010, bà Thạch Mon Si T và ông Thạch T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng, giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyển số 01, ngày 13/7/2010. Sau khi kết hôn ông, bà chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Do mâu thuẫn trầm trọng nên ông, bà sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian chung sống ông, bà có 01 người con chung tên Thạch Thị Thanh T, sinh ngày 06/01/2011. Quá trình chung sống ông, bà không có tài sản chung và không có nợ chung.

Tại phiên tòa, bà Thạch Mon Si T yêu cầu ly hôn với ông Thạch T; về con chung: Bà Thạch Mon Si T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Thạch Thị Thanh T, sinh ngày 06/01/2011 đến khi thành niên. Không yêu cầu ông Thạch T cấp dưỡng cho con chung; về tài sản chung và nợ chung không có nên bà T không yêu cầu gì.

- Đối với bị đơn ông Thạch T: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T, nhưng ông T không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên hòa giải nhưng ông T vẫn vắng mặt nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được. Bị đơn ông Thạch T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông Thạch T chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa xét thấy tình trạng của vợ chồng bà Thạch Mon Si T và ông Thạch T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T; giao cháu Thạch Thị Thanh T, sinh ngày 06/01/2011 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, ông T không cấp dưỡng cho con chung; về tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 02/6/2023, nguyên đơn bà Thạch Mon Si T trình bày: Bà Thạch Mon Si T và ông Thạch T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng, giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyển số 01, ngày 13/7/2010. Bà T yêu cầu xin được ly hôn với ông Thạch T và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên và yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con chung theo quy định pháp luật đến khi thành niên, về tài sản chung và nợ chung không có nên yêu cầu gì. Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Trong vụ án, bị đơn ông Thạch T hiện đang cư trú tại ấp M, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn ông Thạch T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà Thạch Mon Si T và ông Thạch T tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng, giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyển số 01, ngày 13/7/2010 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình, bà Nỡ có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian chung ông bà luôn xảy ra bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên vợ chồng thường cải vã qua lại, mâu thuẩn kéo dài, từ đó cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, bất hòa. Ông T và bà T đã sống ly thân với nhau từ năm 2017 cho đến nay và sau khi sống ly thân thì ông T và bà T không gặp nhau và không hàn gắn tình cảm. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để động viên vợ chồng ông T và bà T đoàn tụ với nhau nhưng ông T vẫn vắng mặt và bà T vẫn kiên quyết ly hôn với ông T vì tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, tình trạng của vợ chồng ông T và bà T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông T.

[5] Về con chung: Bà Thạch Mon Si T và ông Thạch T xác định trong thời gian chung sống, bà T và ông T có 01 người con chung là Thạch Thị Thanh T, sinh ngày 06/01/2011, hiện đang sống chung với bà T; bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên. Xét thấy, từ khi bà T và ông T không sống chung với nhau cho đến nay cháu T do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Thúy, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải giao cháu T cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Ngoài ra, căn cứ vào Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Thạch T mà không ai được cản trở.

[6] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Thạch Mon Si T không yêu cầu cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Thạch Mon Si T xác định trong thời gian chung sống bà T và ông Thạch T không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bà Thạch Mon Si T phải chịu 300.000 đồng án

phí dân sự sơ thẩm nhưng bà Thạch Mon Si T là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông Thạch T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Mon Si T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Mon Si T được ly hôn với ông Thạch T.

1.2. Về con chung: Giao cháu Thạch Thị Thanh T cho bà Thạch Mon Si T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên; ông Thạch T không cấp dưỡng cho con chung. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Thạch T mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Thạch Mon Si T xác định trong thời gian chung sống bà Tvà ông Thạch T không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thạch Mon Si T là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Ông Thạch T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- UBND xã H;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Ánh